BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7064 /BC-BNN-KTHT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp

Ngày 23/9/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CP về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định: Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010; Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg), thay thế các Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và số 65/2011/QĐ-TTg với phạm vi hỗ trợ rộng hơn và không bị ràng buộc 60% giá trị sản xuất trong nước đối với máy móc phục vụ nông nghiệp. Sau hơn 6 năm triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 68/2013/QĐ-TTg

1. Về tổ chức tuyên truyền, quán triệt chính sách

- Ngay sau khi Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được ban hành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức Hội nghị quán triệt và lấy ý kiến dự thảo Thông tư hướng dẫn Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Thành phố Hồ chí Minh ngày 30/12/2013.

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách cho người dân biết đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Về xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ, cụ thể:

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg. Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 về sửa đổi, bổ sung danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng

chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014 hướng dẫn cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/TT-BTC ngày 07/07/2014 về hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 3073/QĐ-BNN-CB ngày 09/7/2014 về thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn và đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển ngành Cơ khí Việt Nam, trong đó giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để người dân biết và tiếp cận được chính sách hỗ trợ của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về đối tượng, kinh phí, loại máy thiết bị

3.1. Về đối tượng được hỗ trợ:

Đối tượng được hỗ trợ là các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân. Tổng hợp số liệu báo cáo của các đơn vị: Hộ gia đình chiếm 95%; doanh nghiệp 3%; hợp tác xã 1% và các đối tượng khác 1% trên tổng các đối tượng được hỗ trợ (bao gồm cả hỗ trợ lãi suất và chênh lệch lãi suất).

3.2. Kinh phí cho vay:

Tổng hợp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến nay, với doanh số cho vay theo chương trình đạt hơn 12.000 tỷ đồng với gần 37.800 lượt khách hàng được vay vốn để mua sắm đầu tư máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp. Dư nợ cho vay đến cuối 6/2021 đạt 1.700 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất chiếm hơn 97% tổng dư nợ cho vay chương trình; dư nợ cho vay hỗ trợ chênh lệch lãi suất theo lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước đạt 68 tỷ đồng, chiếm gần 3% tổng dư nợ cho vay chương trình.

Tỷ lệ nợ xấu rất thấp có xu hướng giảm qua các năm. Năm 2018, tỷ lệ nợ xấu 0,05%, giảm 0,15% so với năm 2013.

3.3. Máy móc, thiết bị cho vay:

Tổng hợp số liệu báo cáo các địa phương, đơn vị, số lượng các loại máy móc, thiết bị nông nghiệp trên **25.000 chiếc** các loại máy móc, thiết bị, trong đó máy kéo, máy làm đất và máy thu hoạch lúa chiếm 93%.

Cơ cấu các loại máy, thiết bị tính theo giá trị cho vay trên tổng doanh số cho vay, cụ thể như sau:

- Các loại máy, thiết bị phục vụ canh tác, sấy nông sản, chăn nuôi chiếm 61,6% ;

- Các loại máy kéo, động cơ diezel sử dụng trong nông nghiệp, khai thác đánh bắt thủy sản chiếm 33,9%;

- Các loại máy, thiết bị dò cá, thu, thả lưới câu, thông tin liên lạc, hầm (buồng) cấp đông, thùng (hầm) bảo quản sản phẩm có gắn thiết bị lạnh, sản xuất nước đá, lọc nước biển làm nước ngọt sử dụng trên tàu cá, tàu dịch vụ hậu cần phục vụ đánh bắt xa bờ; máy thiết bị chế biến sản phẩm từ phế phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản chiếm 2,3%, *(có bảng phụ lục 1,2 chi tiết kèm theo);*

3.4. Về ngân hàng cho vay:

Có 6 ngân hàng thương mại đã tham gia cho vay (Agribank, Vietcombank, BIDV, Vietinbank, ACB, Liên Việt) trong đó Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam (Agribank) luôn tích cực thực hiện chính sách và đạt kết quả cao nhất (chiếm 94%) trong các ngân hàng thương mại, dư nợ cho vay theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg tăng qua các năm, chỉ giảm nhẹ trong năm 2018.

3.5. Về thực hiện của các địa phương:

Kết quả thực hiện của một số tỉnh, thành phố có dư nợ cho vay cao như sau:

- Tỉnh An Giang: Doanh số cho vay 1.148.168 triệu đồng/4.783 lượt khách hàng trong đó: Hộ gia đình chiếm 92,8%, hợp tác xã chiếm 0.08%; đối tượng khác 7%. Tổng dự nợ hiện nay trên 614 tỷ đồng. Các loại máy, thiết bị: Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô;

- Tỉnh Kiên Giang: Doanh số cho vay 733.764 triệu đồng/1.274 lượt khách hàng. Các loại máy, thiết bị: Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, cà phê…; hệ thống thiết bị tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp; máy, thiết bị sử dụng sản xuất giống nuôi trồng và thu hoạch thủy sản;

- Tỉnh Cà Mau: Doanh số cho vay 107.560 triệu đồng/197 khách hàng vay. Các loại máy móc, thiết bị vay gồm: Máy gặt đập liên hợp 143 cái, máy cày 84 cái, máy kéo, dàn xới 01 cái;

- Tỉnh Đắc Lắc: Doanh số cho vay đạt 24.640 triệu đồng/27 lượt khách hàng. Các loại máy, thiết bị gồm: Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng chăm sóc thu hoạch lúa, ngô;

- Tỉnh Quảng Bình: Doanh số cho vay đạt 66.435,1 triệu đồng/162 lượt khách hàng. Các loại máy, thiết bị gồm: Máy gặt đập liên hợp, máy cày, máy kéo trong nông nghiệp;

- Thành phố Hải Phòng: Doanh số cho vay hơn 189.400 triệu đồng/512 hộ;

- Tỉnh Phú Thọ: Doanh số cho vay 157.500 triệu đồng/685 lượt khách hàng. Các loại máy, thiết bị gồm: Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, chè, mía; máy sấy nông sản, thủy sản; máy, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi;

- Thành phố Hà Nội: Doanh số cho vay 212.000 triệu đồng mua 72 máy làm đất, 16 máy cấy và 345 máy thu hoạch lúa;

Ngoài các tỉnh triển khai thực hiện chính sách theo Quyết định số 68/2013/QĐ/TTg có kết quả tốt thì một số địa phương đã triển khai tuyên truyền chính sách nhưng không có đối tượng nào được hưởng chính sách như: Lào Cai; Quảng Ninh; Hòa Bình.

3.6. Một số đơn vị thực hiện:

Đơn vị có máy móc, thiết bị nông nghiệp được các tổ chức, cá nhân mua nhiều nhất là Công ty TNHH Kubota Việt Nam (các loại máy kéo, máy cấy lúa, máy thu hoạch liên hợp lúa, máy trồng mía); Công ty TNHH máy nông nghiệp Yanmar Việt Nam; Công ty TNHH MTV Cơ khí nông nghiệp Phan Tấn (Đồng Tháp); Công ty TNHH Cẩn Hoa (Thanh Hóa)....

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Những tác động của chính sách

Qua hơn hơn 6 năm tổ chức triển khai thực hiện chủ trương của Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp đã được các Bộ, ngành, địa phương triển khai tích cực, bước đầu đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của sản xuất nông nghiệp nhất là vùng sản xuất lúa hàng hóa ở đồng bằng sông Cửu Long , được bà con nông dân cả nước đồng tình, ủng hộ, cụ thể:

- Mức độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp một số khâu tăng cao, nhất là đối với sản xuất lúa khâu làm đất bình quân cả nước tăng, năm 2020 so với năm 2013, cụ thể như sau[1]: làm đất từ 88% lên 97%, một số vùng đạt 100% (vùng ĐBSH, ĐBSCL); gieo trồng từ 18% lên 65%; chăm sóc đạt từ 65% lên 82%; thu hoạch đạt từ 42% lên 78% (vùng ĐBSCL đạt 95%); tuốt đập, xay xát lúa, gạo đạt 100%; tổn thất trong nông nghiệp giảm nhất là đối với sản xuất lúa, gạo hiện nay tổn thất sau thu hoạch còn 8-10%;

- Ngoài chính sách của Trung ương, nhiều địa phương, như: Hà Nội, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Cần Thơ... đã ban hành chính sách hỗ trợ của địa phương về khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, cơ

[1] Số lượng máy kéo, máy thu hoạch liên hợp lúa tăng nhanh khi thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, số lượng máy kéo tăng gần 10% (2014-2017) gần 10.000 chiếc; máy thu hoạch lúa tăng gần 9.000 chiếc; tổng công suất máy tăng gần 1.000.000 Hp tăng 9% so với tổng công suất trên đồng ruộng hiện nay khoảng trên 11 triệu mã lực.

giới hóa, chế biến, bảo quản nông sản, nông nghiệp công nghệ cao, tiêu thụ nông sản một số sản phẩm đã thúc đẩy người dân, doanh nghiệp đầu tư mua sắm máy, thiết bị phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo quản chế biến nông lâm thủy sản, nâng cấp công nghệ thiết bị góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân;

- Chính sách hỗ trợ cũng tạo điều kiện khuyến khích, thúc đẩy các cơ sở cơ khí chế tạo máy nông nghiệp trong nước đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng máy móc thiết bị sản xuất có hiệu quả;

- Huy động được nguồn vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân: Nguồn vốn cho nông dân vay ngày càng tăng, đồng thời đã huy động được nguồn lực của các tổ chức, cá nhân đầu tư cho cơ giới hóa, tính đến nay doanh số cho vay đạt hơn 12.000 tỷ đồng từ vốn tín dụng Nhà nước; vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân trên 5.000 tỷ đồng; Ngân sách Nhà nước hỗ trợ lãi suất khoảng hơn 1.000 tỷ đồng.

2. Những hạn chế, bất cập, nguyên nhân

2.1. Về chỉ đạo, điều hành:

- Nhiều địa phương đã tổ chức triển khai (xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách) nhưng kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ thấp hoặc người dân chưa tiếp cận được chính sách. Mặc dù các tỉnh, thành phố đã chỉ đạo, phân công nhiệm vụ nhưng việc triển khai thực hiện chính sách vẫn còn thiếu sự phối hợp đồng bộ của các sở, ngành liên quan;

- Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, vai trò của các cấp các ngành trong việc đẩy mạnh cơ giới hóa tạo động lực thúc đẩy tái cơ cấu chưa làm tốt.

2.2. Về cơ chế, chính sách:

- Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp chủ yếu mới tập trung vào cây lúa, mía, chưa chú ý vào các cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao khác, nhất là thiết bị bảo quản cho tàu khai thác và tàu dịch vụ hậu cần phục vụ đánh bắt xa bờ;

- Lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước còn cao, hiện nay là 8,55%/năm (Thông tư số 76/2015/TT-BTC ngày 21/5/2015 của Bộ Tài chính), không có sự chênh lệch nhiều so với lãi suất cho vay thương mại nên chưa khuyến khích các doanh nghiệp) đầu tư các dự án dây chuyền máy móc, thiết bị, các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp;

- Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ còn thấp, người dân chưa tiếp cận được chính sách. Một số loại máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp trong thực tế nhưng chưa được bổ sung vào danh mục được hưởng chính sách hỗ trợ;

- Ngân sách nhà nước chưa bố trí đủ vốn cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, ngân sách nhà nước tiếp tục không bố trí vốn để cấp bù cho các ngân hàng thương

mại số tiền đã thực hiện hỗ trợ lãi suất và số tiền lãi hỗ trợ dự kiến phát sinh trong giai đoạn này. Đến ngày 30/6/2021, số tiền các ngân hàng đã thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng nhưng chưa được ngân sách nhà nước cấp bù là 1.604 tỷ đồng.

- Một số nội dung có liên quan đến cơ giới hóa nông nghiệp chưa được đề cập đến như:

+ Công tác an toàn vệ sinh lao động cho người sử dụng máy móc, thiết bị;

+ Tiêu chí xác định cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp;

+ Công tác đào tạo nguồn nhân lực trong vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị nông nghiệp;

+ Cơ sở hạ tầng kỹ thuật sản xuất nông nghiệp đáp ứng cho cơ giới hóa nông nghiệp.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua tổng hợp báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và đơn vị liên quan đa phần đã kiến nghị đề xuất Chính phủ xây dựng Nghị định về khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

1. Sự cần thiết ban hành chính sách

- Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ đã xác định tầm nhìn đến năm 2030: "Phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, áp dụng khoa học công nghiệp, đổi mới sáng tạo để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả và năng lực cạnh tranh; cải thiện và ngày càng nâng cao đời sống nông dân, xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại". Vì vậy, cần khuyến khích, hỗ trợ, đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, nhất là những vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, hàng hoá bằng máy, thiết bị hiện đại, tiên tiến, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 những vùng nông nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung được cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ và tiến tới tự động hóa trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp;

- Kế thừa các chính sách còn phù hợp với thực tiễn của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

- Phù hợp với thực tiễn sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020;

- Không trùng lặp, chồng chéo với các chính sách phục vụ nông nghiệp, nông thôn mới đã được Chính phủ ban hành năm 2017, 2018 như:

+ Nghị định số 40/2017 ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối, theo đó tổ chức hộ gia đình, cá nhân đầu tư kho chứa muối, máy thiết bị sản xuất, dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối được hỗ trợ vay vốn và lãi suất vốn vay;

+ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, theo đó các dự án chế biến nông, lâm thủy sản; chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp; sản xuất chế biến muối; sản phẩm từ phế, phụ phâm nông nghiệp được hỗ trợ mức tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án;

+ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ;

+ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó dự án liên kết được ngân sách hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng;

+ Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

+ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

2. Đề xuất một số nội dung có liên quan đến cơ giới hóa nông nghiệp chưa được đề cập trong Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg

Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg mới chỉ tập trung hỗ trợ cho vay mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và đầu tư các dự án dây chuyền máy móc, thiết bị, các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp qui mô hộ, các cơ sở nhỏ là chủ yếu.

Các nội dung có liên quan đến thúc đẩy cơ giới hóa nông nghiệp chưa được đề cập đến như: bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng máy; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa; cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa; tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất theo chuỗi; tính đồng bộ các khâu cơ giới hóa, với hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực...

Các quy định về tiêu chí dự án cơ giới hóa đồng bộ; đánh giá các hoạt động cơ giới hóa, trình độ và năng lực chế biến nông sản.

3. Hình thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư trực tiếp cho người mua máy móc, thiết bị và các đối tượng thực hiện đầu tư dự án đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ. Lý do của việc thực hiện hình thức hỗ trợ này gồm:

- Giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí;

- Giảm thiểu được rủi ro cho các ngân hàng thương mại trong việc truy thu số tiền hỗ trợ đã ứng trước cho khách hàng không đủ điều kiện hỗ trợ theo kết luận của các cơ quan có thẩm quyền (hiện nay các ngân hàng thương mại ứng trước tiền của ngân hàng để hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, sau đó các ngân hàng hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính quyết toán hỗ trợ lãi suất).

- Khuyến khích được các ngân hàng tích cực tham gia cho vay.

- Đồng thời, việc hỗ trợ sau đầu tư khi phương án/dự án đã hoàn thành đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định về hỗ trợ cũng tránh được các trường hợp cố tình cấu kết trục lợi chính sách.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trần Thanh Nam

Nơi nhận:
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KTHT.

Phụ lục I

CƠ CẤU CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ VÀ KHÁCH HÀNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNN-KTHT ngày tháng năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Chỉ tiêu báo cáo	Tỷ lệ các loại máy, thiết bị theo giá trị được vay *(%)*
I	**Cho vay được hỗ trợ lãi suất phân theo danh mục máy, thiết bị**	**100**
1	Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, cà phê, chè, mía; máy sấy nông sản, thủy sản; máy, thiết bị sản xuất muối sạch; máy, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi.	52
2	Hệ thống thiết bị tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp.	1
3	Máy, thiết bị sử dụng sản xuất giống, nuôi trồng và thu hoạch thủy sản.	1
4	Các loại máy, thiết bị dò cá, thu, thả lưới câu, thông tin liên lạc, hầm (buồng) cấp đông, thùng (hầm) bảo quản sản phẩm có gắn thiết bị lạnh, sản xuất nước đá,lọc nước biển làm nước ngọt sử dụng trên tàu cá, tàu dịch vụ hậu cần phục vụ đánh bắt xa bờ.	2
5	Máy, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế và phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản.	2
6	Kho, thiết bị sử dụng chứa, bảo quản thóc, ngô quy mô hộ gia đình	0
7	Các loại máy kéo, động cơ Diezen sử dụng trong nông nghiệp, khai thác đánh bắt thủy sản.	42
II	**Cho vay hỗ trợ chênh lệch lãi suất phân theo danh mục máy móc, thiết bị, dự án đầu tư**	**100**
1	Kho silo dự trữ lúa, ngô; hệ thống sấy nông sản, dây chuyền máy, thiết bị xay xát, đánh bóng, phân loại gạo.	44
2	Hệ thống nhà kính, nhà lưới phục vụ sản xuất; máy, thiết bị bảo quản chế biến rau, hoa, quả.	-

3	Dây chuyền máy, thiết bị bảo quản, giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp; chế biến thủy sản (thiết bị làm lạnh, cấp đông, tái đông; sản xuất nước đá, đá vảy; thiết bị hấp sấy, …).	3
4	Dây chuyền máy, thiết bị chế biến cà phê, chè, nhân điều, hồ tiêu.	27
5	Dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối.	-
6	Các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp	26
III	**Cho vay được hỗ trợ lãi suất, chênh lệch lãi suất phân theo đối tượng vay vốn**	**100**
1	Doanh nghiệp	3
2	Hợp tác xã	1
3	Hộ gia đình	95
4	Đối tượng khác	1

Phụ lục II

TỔNG HỢP CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 68/2013/QĐ-TTg CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNN-KTHT ngày tháng năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên đơn vị	Số lượng *(chiếc)*	Loại máy, thiết bị
1.	Sở Nông nghiệp & PTNT Cao Bằng	09	Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, chè, mía; máy sấy nông sản, thủy sản..
2.	TT Khuyến nông Hà Nội:	433	72 máy làm đất, 16 máy cấy và 345 máy thu hoạch lúa.
3.	Sở Nông nghiệp & PTNT Điện Biên	03	Máy gặt đập liên hợp
4.	Sở NN & PTNT Hòa Bình	Không có phát sinh cho vay	Thực tế nông dân không muốn mua máy mới mà chỉ mua máy qua sử dụng
5.	Sở Nông nghiệp & PTNT Lào Cai	Không có phát sinh cho vay	
6.	Sở Nông nghiệp & PTNT Phú Thọ		Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, chè, mía; máy sấy nông sản, thủy sản; máy, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi.
7.	Sở Nông nghiệp & PTNT Bắc Ninh		Máy làm đất
8.	Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Ninh		Chưa có
9.	Sở Nông nghiệp & PTNT Hải Phòng	216 293 01	-Máy làm đất công suất 24CV trở lên; - Máy gặt đập liên hợp DC35 trở lên; - Giàn gieo mạ tự động;
10.	Sở Nông nghiệp &	42 16	- Máy gặt đập liên hợp; - Máy làm đất;

	PTNT Hưng Yên	12 01 01	- Máy vắt sữa bò; -Máy tạo khuẩn ôxy; - Máy cấy
11.	Sở Nông nghiệp & PTNT Nam Định	616 07 07 02 02 133	- Máy làm đất, máy thu hoạch, máy sấy nông sản, sản xuất muối sạch; - Hệ thống thiết bị tưới tiết kiệm; - Máy, thiết bị sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản; - Thiết bị dò, thu thả lưới câu; - Máy, thiết bị chế biến từ phế, phụ phẩm nông nghiệp; - Máy kéo, động cơ diezel;
12.	Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa		Ngoài chính sách của TW, Thanh Hóa có chính sách hỗ trợ của địa phương, cụ thể: Hỗ trợ 30% giá trị máy tối đa 120 triệu đồng/máy cấy; hỗ trợ 20% giá trị máy thu hoạch lúa tối đa 150 triệu đồng/máy; 20% gia trị máy thu hoạch mía tối đa 1,5 tỷ đồng/máy; hỗ trợ hệ thống tưới mía 15 triệu đồng/ha.
13.	Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Tĩnh		Tổng doanh số cho vay 274.360 triệu đồng/2.102 lượt KH
14.	Sở Nông nghiệp & PTNT Lạng Sơn	10	Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch; Máy, thiết bị sử dụng sản xuất giống, nuôi trồng và thu hoạch thủy sản....;
15.	Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Bình	141 21	- Máy gặt đập liên hợp; - Máy cày, máy kéo trong nông nghiệp.
16.	Sở NN&PTNT Quảng Trị	259 58 18 9	-Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy; - Máy kéo, động cơ diezen.. - Máy, thiết bị sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản; - Máy, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế phụ phẩm
17.	Sở NN & PTNT Đà Nẵng		Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, máy thu hoạch..
18.	Chi Cục PTNT Quảng Ngãi		Máy làm đất, máy thu hoạch, máy sấy nông sản, thủy sản. Các loại máy kéo, động cơ diezen sử dụng trong nông

			nghiệp, khai thác.
19.	Sở Nông nghiệp & PTNT Gia Lai	66	Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, cà phê, chè, mía; máy sấy; Máy, thiết bị sử dụng sản xuất giống, nuôi trồng và thu hoạch thủy sản....;
20.	Sở Nông nghiệp & PTNT Đắk Nông	02	- Máy gặt đập liên hợp; - Máy xay cà phê;
21.	Sở Nông nghiệp & PTNT Đắk Lắc		Máy làm đất, sản phẳng đồng ruộng; Gieo cấy, trồng chăm sóc thu hoạch lúa, ngô ;
22.	Sở Nông nghiệp & PTNT Bà Rịa – Vũng Tàu		Tham mưu ban hành và thực hiện Đề án phát triển cơ điện, sơ chế, bảo quản nông, lâm sản sau thu hoạch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2012-2017
23.	Sở Nông nghiệp & PTNT Đồng Nai		Hệ thống tưới tiết kiệm, máy gặt đập liên hợp, máy kéo Kubota, máy cày Míubishi
24.	Sở Nông nghiệp & PTNT Ninh Thuận	01 02	- Máy cày - Máy làm đất
25.	Sở Nông nghiệp & PTNT Bình Định	88 03 40	- Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, cà phê, chè. mía…; - Máy, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế phụ phẩm; - Máy kéo, động cơ diezel
26.	Sở Nông nghiệp & PTNT Long An		Máy làm đất; san phẳng đồng ruộng; giao cấy, chăm sóc, thu hoạch lúa, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi; Kho silo dự trữ lúa, ngô;
27.	Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Long	315 01 07 21 04	- Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, cà phê…; - Hệ thống thiết bị tưới tiết kiệm nước; - Máy, thiết bị sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản; - Máy, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế phụ phẩm; - Kho, thiết bị bảo quản quy mô hộ gia

		297	đình; - Máy kéo, động cơ diezel
28.	Sở Nông nghiệp & PTNT Tiền Giang		Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa; máy sấy nông sản, thủy sản; máy, máy thiết bị sử dụng trong chăn nuôi, trong chế biến sản phẩm từ phế và phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản, các loại máy kéo, động cơ diezen sử dụng trong nông nghiệp, khai thác đánh bắt thủy sản.
29.	Sở Nông nghiệp & PTNT Sóc Trăng		Máy gặt đập liên hợp; Máy cày lớn; máy bơm nước, máy cấy, máy kéo…
30.	Sở Nông nghiệp & PTNT Bến Tre		Máy gặt đập liên hợp; Máy dóng kiện rơm; Máy cuộn rơm; Máy cày.
31.	Sở Nông nghiệp & PTNT An Giang		Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô,
32.	Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang	708 02 05 12 07 533	- Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, cà phê…; - Hệ thống thiết bị tưới tiết kiệm nước; - Thiết bị dò cá, thu thả lưới câu; - Máy, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế phụ phẩm; - Kho, thiết bị bảo quản quy mô hộ gia đình; - Máy kéo, động cơ diezel
33.	Sở Nông nghiệp & PTNT Bạc Liêu		Máy gặt đập liên hợp
34.	Sở Nông nghiệp & PTNT Long An		Máy làm đất, máy thu hoạch, máy sấy nông sản, thủy sản. Các loại máy kéo, động cơ diezen sử dụng trong nông nghiệp, khai thác.
35.	Sở Nông nghiệp & PTNT Thái Nguyên		Tổng doanh số: 9,3 tỷ đồng/27 hộ gia đình, cá nhân

36.	Công ty TNHH Kubota VN	6.971 6.616 605	- Máy gặt đập liên hợp; - Máy kéo; - Máy cấy:
37.	Công ty TNHH máy nông nghiệp Yanmar VN	1.077 903 25	- Máy gặt đập liên hợp; - Máy kéo; - Máy cấy;
38.	Sở NN & PTNT Bến Tre	10 04 01	-Máy gặt đập liên hợp; - Máy cuốn rơm, đóng kiện rơm; - Máy cày
39.	Sở NN & PTNT Cà Mau	143 84 01	- Máy gặt đập liên hợp; - Máy cày ; - Máy kéo, dàn xới;
40.	**Tổng cộng**	**25.000**	